

Số: /BC-ĐGS

Lạng Sơn, ngày 10 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả giám sát tình hình, hiệu quả thực hiện các đề tài/dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh được công nhận năm 2020,2021,2022; kết quả ứng dụng trong thực tế hiện nay

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015; Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn năm 2024;

Thực hiện Kế hoạch số 60/KH-ĐGS ngày 20/01/2024 của Đoàn Giám sát Thường trực HĐND tỉnh giám sát tình hình, hiệu quả thực hiện các đề tài/dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh được công nhận năm 2020,2021,2022; kết quả ứng dụng trong thực tế hiện nay. Sau khi khảo sát tại 03 huyện (Bình Gia, Hữu Lũng và Lộc Bình); giám sát trực tiếp đối với Sở Khoa học và Công nghệ, Đoàn giám sát báo cáo Thường trực HĐND tỉnh kết quả giám sát tình hình, hiệu quả thực hiện các đề tài/dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh được công nhận năm 2020, 2021, 2022; kết quả ứng dụng trong thực tế hiện nay như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác tham mưu thực hiện

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương; Chương trình hành động của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các Quyết định¹ để tổ chức, triển khai các nhiệm vụ về khoa học và công nghệ, Đề án triển khai chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Thực hiện quy trình hướng dẫn của Bộ khoa học và Công nghệ² và quy định tại Quyết định số 47/2018/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 của UBND tỉnh ban

¹ (1) Quyết định số Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 16/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, (2) Quyết định 05/2016/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Quy định định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, (3) Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của UBND tỉnh quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ áp dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; (4) Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 03/6/2017 phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020, (5) Quyết định số 47/2018/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 của UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành quy định Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, (6) Quyết định số 527-QĐ/UBND ngày 31/3/2020 phê duyệt Đề án Triển khai chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

² Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và

hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, Sở Khoa học và Công nghệ đã tích cực triển khai định hướng nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh đến các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở.

Công tác tuyên truyền về các kết quả nghiên cứu khoa học được triển khai thực hiện dưới nhiều hình thức, giai đoạn 2020-2022, Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức 10 cuộc tập huấn, 03 hội thảo, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, lồng ghép qua các chương trình công tác của các tổ chức chính trị - xã hội, qua chuyên mục khoa học và đời sống trên đài truyền hình Lạng Sơn. Năm 2021, Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành kỷ yếu tóm tắt các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh giai đoạn 2011 - 2020 gửi đến các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các cơ quan chuyên môn lựa chọn, triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu phù hợp vào thực tiễn sản xuất và phục vụ các cơ quan chuyên môn trong công tác chỉ đạo điều hành, xây dựng luận cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách, chương trình, kế hoạch hoạt động trong các lĩnh vực liên quan.

2. Kết quả thực hiện các dự án/ đề tài khoa học.

2.1. Kết quả phê duyệt, triển khai các dự án/đề tài

Việc đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định: Sau khi thực hiện bước sơ tuyển, Sở tham mưu cho UBND tỉnh thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Hội đồng), trên cơ sở kết quả làm việc, đánh giá của Hội đồng, Sở Khoa học và công nghệ trình UBND tỉnh phê duyệt Danh mục đề tài, dự án khoa học và công nghệ đặt hàng. Giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2022 đã có 131 phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ của các tổ chức, đơn vị đến Sở Khoa học và công nghệ; qua đánh giá của Hội đồng, Sở đã trình UBND tỉnh phê duyệt 42 nhiệm vụ (chiếm khoảng 32%) so với phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ

(Phụ lục số 01 kèm theo).

Danh mục đề tài, dự án khoa học và công nghệ đặt hàng được triển khai rộng rãi đến các tổ chức, đơn vị chuẩn bị hồ sơ đăng ký, được Hội đồng khoa học và công nghệ tuyển chọn, hoặc giao nhiệm vụ trực tiếp để thực hiện. Trong giai đoạn từ năm 2020 đến 2022, tổng số đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh quản lý là 74, trong đó có 32 đề tài/dự án chuyển tiếp từ trước năm 2020 sang, 42 đề tài/dự án

hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ; Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

mới được phê duyệt thực hiện, 30 đề tài/dự án được nghiệm thu, công nhận thực hiện.

(Phụ lục số 02 kèm theo)

Năm 2020: Theo dõi, quản lý 39 đề tài/dự án (*trong đó 32 đề tài chuyển tiếp; phê duyệt mới 07 đề tài, dự án*) thuộc các lĩnh vực là nông nghiệp: 23 đề tài; xã hội – nhân văn: 09 đề tài; y dược 03 đề tài; kỹ thuật 04 đề tài. Nghiệm thu 08 đề tài, số đề tài chuyển tiếp sang năm 2021 là 31 đề tài.

Năm 2021: Theo dõi, quản lý 56 đề tài/ dự án (*trong đó 31 đề tài chuyển tiếp; phê duyệt mới 25 đề tài*) thuộc các lĩnh vực là nông nghiệp: 38 đề tài, dự án; xã hội – nhân văn: 12 đề tài; y dược: 02 đề tài; kỹ thuật: 04 đề tài. Nghiệm thu 08 đề tài, số đề tài chuyển tiếp sang năm 2022 là 48 đề tài.

Năm 2022: Theo dõi, quản lý 58 đề tài/ dự án (*trong đó 48 đề tài chuyển tiếp; phê duyệt mới 10 đề tài, dự án*) thuộc các lĩnh vực nông nghiệp: 34 đề tài, dự án; xã hội – nhân văn: 17 đề tài; y dược: 03 đề tài; kỹ thuật: 04 đề tài. Nghiệm thu 14 đề tài, số đề tài chuyển tiếp sang năm 2023 là 44 đề tài.

Hầu hết các đề tài, dự án sau khi nghiệm thu đều được ứng dụng vào thực tiễn cụ thể: (1) các đề tài trong lĩnh vực Khoa học xã hội-nhân văn³ kết quả nghiên cứu là các giải pháp được sử dụng ngay trong công tác chỉ đạo, quản lý, tham mưu trong hoạt động của ngành, được các cơ quan chuyên môn ứng dụng vào thực tế rất hiệu quả như tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Công an tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo...; (2) lĩnh vực Y- dược các nghiên cứu được chuyển giao áp dụng thành công mở ra nhiều quy trình kỹ thuật, nâng cao tay nghề đội ngũ y, bác sỹ⁴; (3) trong lĩnh vực kỹ thuật công nghệ: ứng dụng đổi mới công nghệ, đổi mới thiết bị công nghệ và nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm; (4) trong lĩnh vực khoa học công nghệ phục vụ nông nghiệp và nông thôn tập trung về giống và quy trình kỹ thuật canh tác, chăn nuôi, các cây trồng vật nuôi chủ lực, đặc sản có thể mạnh của địa phương.... Một số đề tài, dự án sau khi nghiên cứu đã được ứng dụng góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, làm thay đổi nhận thức, tập quán sản xuất lạc hậu của người dân.

Tuy nhiên, trong giai đoạn 2020-2022 còn có 15 đề tài dự án chậm tiến độ phải kéo dài thời gian thực hiện (*chủ yếu thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, lĩnh vực kỹ thuật công nghệ*), nguyên nhân do tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp, việc tổ chức các hội thảo, tập huấn kỹ thuật chưa được tổ chức theo kế hoạch, cá nhân chủ nhiệm đề tài dự án có sự luân

³ Đề tài: Một số giải pháp phát triển bền vững giáo dục Trung học cơ sở các xã biên giới tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Nghiên cứu biên soạn tài liệu dạy học Ngữ văn địa phương cấp trung học cơ sở tỉnh Lạng Sơn; Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền Việt Nam giả trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn trong tình hình mới;

⁴ Triển khai mô hình điểm kiểm soát kê đơn/ bán thuốc kê đơn để sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Ứng dụng kỹ thuật kết hợp dẫn lưu não thất và sử dụng thuốc tiêu huyết khối ALTEPLASE trong điều trị giãn não thất cấp do chảy máu não thất tại bệnh viện đa khoa tỉnh; nghiên cứu cơ sở khoa học phục vụ xây dựng vùng bảo tồn gen cây dược liệu đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

chuyên công tác hoặc tham gia chương trình đào tạo chuyên môn tập trung; ảnh hưởng yếu tố khách quan như thời tiết, cây nuôi cấy mô phát triển kém, tỷ lệ sống thấp do đó chưa tổng hợp được đầy đủ số liệu về chỉ tiêu sinh trưởng và phát triển của cây vì vậy các chủ nhiệm đề tài đã có đơn xin kéo dài thời gian thực hiện đề tài, dự án. Việc điều chỉnh thời gian được thực hiện đúng trình tự quy định đối với việc điều chỉnh nội dung của Hợp đồng nghiên cứu khoa học và công nghệ, không làm thay đổi kinh phí. Có 01 đề tài không hoàn thành, xin dừng thực hiện (*Đề tài: Nghiên cứu nuôi thử nghiệm ếch hương sinh sản và ếch hương thương phẩm tại Mẫu Sơn, tỉnh Lạng Sơn*)⁵ Qua theo dõi thí nghiệm cho thấy ếch hương điều kiện sống rất khắc khe, dễ mắc bệnh, tỷ lệ sống thấp (46,1%) do vậy Sở Khoa học và công nghệ đã ban hành Quyết định số 102/QĐ-SKHHCN, ngày 27/7/2022 về việc chấm dứt hợp đồng thực hiện đề tài đã xử lý thu hồi 30% số kinh phí từ ngân sách nhà nước đã sử dụng là 119.007.300 đồng.

2.2. Công tác lập dự toán, thanh quyết toán

Giai đoạn 2020 đến năm 2022: tổng số kinh phí cấp cho sự nghiệp khoa học công nghệ là 56.336 triệu đồng (2021 là 18.529 triệu đồng; 2022 là 14.882 triệu đồng; 2023 là 22.925 triệu đồng), số quyết toán là 50.888 triệu đồng (2021 là 18.443 triệu đồng; 2022 là 13.803 triệu đồng; 2023 là 18.642 triệu đồng); số chuyển nguồn sang năm dự toán theo quy định là 5.448 triệu đồng.

Công tác lập, thẩm định dự toán được Sở Khoa học và Công nghệ thành lập tổ thẩm định trong đó có sự tham gia của đại diện Sở Tài chính để tổ chức thẩm định dự toán kinh phí theo nhiệm vụ. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi kinh phí của các nội dung nhưng không làm thay đổi tổng mức kinh phí nhiệm vụ đã được phê duyệt, tổ chức chủ trì thực hiện đề tài đề xuất Sở Khoa học và Công nghệ xem xét giải quyết theo quy định. Công tác quyết toán được quyết toán một lần sau khi đề tài, dự án được nghiệm thu. Các quy trình sử dụng kinh phí từ khâu lập dự toán, phân bổ, thanh quyết toán, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện cơ bản đảm bảo theo Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 30/12/2015 của Liên Bộ Khoa học Công nghệ và Bộ Tài chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước

Đối với UBND các huyện, thành phố kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ được phân bổ hằng năm là 30 triệu đồng/đơn vị. Kinh phí sử dụng chủ yếu phục vụ các lớp tập huấn về khoa học công nghệ, số lượng mở các lớp tập huấn khoảng 2 lớp tập huấn/năm /huyện, thành phố. Cán bộ chuyên trách về khoa học và công nghệ ở huyện, hầu hết là kiêm nhiệm. Các đơn vị nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trên địa bàn chưa có.

⁵ Đề tài do Chi cục Thú y Lạng Sơn là chủ nhiệm đề tài đã tiến hành bố trí 03 lô thí nghiệm với các yếu tố thí nghiệm (Đề tự nhiên, Gây mưa nhân tạo, Sử dụng kích dục tố) để nuôi thử nghiệm ếch hương sinh sản. Theo dõi các chỉ tiêu về tỷ lệ sống, tình hình sinh trưởng và phát triển của ếch hương trong các thí nghiệm. Tại thí nghiệm đã có 19 con ếch đẻ trứng, với tổng số 965 quả trứng, trung bình 50 quả trứng/lần/con. Chi cục đã thực hiện ương nuôi trứng nhiều lần, bên cạnh đó cũng thử nghiệm thu trứng ếch từ suối ở môi trường tự nhiên tại Mẫu Sơn về ương nuôi, tuy nhiên 100% số trứng không nở được thành nòng nọc

2.3. Kết quả ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ

Giai đoạn 2020 - 2022, có 30 đề tài, dự án được nghiệm thu và công nhận (năm 2020: 08; năm 2021: 08; năm 2022: 14). Trong đó:

Lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn có ứng dụng, chuyển giao hiệu quả, góp phần chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế nông nghiệp của tỉnh, phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống nông dân. Một số đề tài, dự án điển hình như: Đề tài “Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật canh tác rải vụ na tại huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn”; Đề tài: “Tuyển chọn cây Trám đen ưu tú, xây dựng mô hình nhân giống, trồng mới và thâm canh Trám đen tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn”; Đề tài “Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, phục tráng và phát triển giống Dừa bản địa tại huyện Hữu Lũng”...

Lĩnh vực Khoa học xã hội và nhân văn: Tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận và tổng kết thực tiễn trong việc hoạch định, đề xuất các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; nghiên cứu đề xuất giải pháp phòng, chống các tệ nạn xã hội, chống hàng giả, hàng kém chất lượng; nghiên cứu thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác xây dựng Đảng. Một số nghiên cứu điển hình đã được nghiệm thu như: “Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền Việt Nam giả trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn trong tình hình mới”; “Nâng cao hiệu quả công tác Công an tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”; “Nâng cao hiệu quả công tác hòa giải đối với các tranh chấp dân sự trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”...

Về giáo dục - đào tạo tăng cường nghiên cứu ứng dụng nâng cao chất lượng công tác quản lý và đào tạo như: “Nghiên cứu biên soạn tài liệu dạy học Ngữ văn địa phương cấp trung học cơ sở tỉnh Lạng Sơn”; “Một số giải pháp phát triển bền vững giáo dục Trung học cơ sở các xã biên giới tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”; “Giải pháp nâng cao chất lượng công tác phân luồng học sinh sau Trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2018 - 2025”...

Lĩnh vực y dược: Đã tiếp nhận, ứng dụng các kỹ thuật mới, tiên tiến vào điều trị tại các cơ sở y tế, qua đó tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả điều trị, chất lượng chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân. Các đề tài nghiên cứu cụ thể: “Ứng dụng kỹ thuật kết hợp dẫn lưu não thất và sử dụng thuốc tiêu huyết khối Alteplase trong điều trị giãn não thất cấp do chảy máu não thất tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh”; “Triển khai mô hình điểm kiểm soát kê đơn/bán thuốc kê đơn để sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”; “Nghiên cứu cơ sở khoa học phục vụ xây dựng vùng bảo tồn gen cây dược liệu và Quy hoạch phát triển dược liệu đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”...

Lĩnh vực Kỹ thuật công nghệ: Tập trung nghiên cứu, ứng dụng triển khai, đổi mới công nghệ, đổi mới thiết bị công nghệ và nâng cao năng suất chất lượng

sản phẩm. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng máy móc thiết bị mới, công nghệ tiên tiến vào sản xuất và cải thiện môi trường như: *Nghiên cứu sử dụng tro xỉ của Nhà máy Nhiệt điện Na Dương làm mặt đường giao thông nông thôn; Ứng dụng công nghệ thông tin quảng bá và tiêu thụ các sản phẩm nông sản của tỉnh Lạng Sơn; Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình bảo quản chế biến quả trám đen tại tỉnh Lạng Sơn.*

Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ: Đã có 16 sản phẩm được bảo hộ với hình thức nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận (*măng Bát độ, nem nướng, khoai lang Lộc Bình, trám đen Văn Quan, rau bò khai, cao khô, ngựa bạch, quýt vàng bắc Sơn, hồng Bảo Lâm...*). Việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đã góp phần nâng cao chất lượng, danh tiếng của sản phẩm; Góp phần quảng bá và phát triển sản phẩm, mở rộng thị trường. Từ đó quay lại kích thích sản xuất, nâng cao nhận thức, làm thay đổi tư duy của người sản xuất, kinh doanh theo hướng sản xuất hàng hóa; Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đồng thời thúc đẩy sự phát triển các tổ chức kinh tế tập thể, HTX tham gia các chương trình: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

2.4. Công tác thanh tra, kiểm tra

Công tác kiểm tra đề tài/dự án được tổ chức định kỳ ít nhất mỗi năm 01 lần hoặc bổ sung kiểm tra đột xuất đối với từng đề tài/dự án cụ thể theo yêu cầu của cơ quan quản lý. Trong kỳ báo cáo, đã kiểm tra, đánh giá 102 cuộc trong tổng số 30 đề tài/dự án nghiệm thu trong giai đoạn. Các nội dung được kiểm tra gồm: *khối lượng công việc đang triển khai, đã hoàn thành theo tiến độ thực hiện trong năm, tình hình sử dụng kinh phí. Việc kiểm tra được thực hiện trên cơ sở báo cáo của tổ chức chủ trì và kiểm tra tại hiện trường để kiểm tra, đánh giá cụ thể về số lượng sản phẩm đối với các nhiệm vụ có sản phẩm trung gian hoặc sản phẩm là các mô hình, thiết bị cụ thể, sản phẩm đo kiểm được.* Việc kiểm tra thường xuyên đã kịp thời đôn đốc đối với chủ nhiệm các đề tài/dự án, đánh giá được những khó khăn, vướng mắc của từng đề tài/dự án để kịp thời hướng dẫn đơn vị trong quá trình thực hiện.

Đề tài, dự án sau khi kết thúc và hoàn thành các nội dung được Hội đồng đánh giá, nghiệm thu theo quy định. Nội dung đánh giá: *Đánh giá về báo cáo tổng hợp: Đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô gíc của báo cáo tổng hợp (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng ...) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn); Đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ so với đặt hàng, bao gồm: Số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng, chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm.* Các đơn vị chủ trì đã xây dựng kế hoạch thực hiện triển khai nhiệm vụ theo hợp đồng đã được ký kết, sử dụng kinh phí đúng mục đích và theo quy định.

Công tác thanh tra, kiểm tra các nhiệm vụ khoa học công nghệ được thực hiện thường xuyên, trong kỳ báo cáo, Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ trì tổ

chức 03 cuộc thanh tra ngành⁶ đối với 06 nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Qua công tác thanh tra đã thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền 5.100.000 đồng (*chủ yếu là thiếu sót trong lập hồ sơ, chứng từ kế toán, quản lý, sử dụng kinh phí của đề tài, dự án; thiếu sót trong thực hiện thủ tục điều chỉnh nội dung thực hiện*). Đã tiến hành 06 lượt kiểm tra⁷ đối với công tác kiểm tra quản lý nhà nước về quản lý và sử dụng đối với tài sản trí tuệ sau bảo hộ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đối với các chủ sở hữu nhãn hiệu của các sản phẩm.

3. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND, ngày 29/7/2016 của HĐND tỉnh quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ áp dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Thực hiện Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 29/7/2016 của HĐND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 về việc ban hành Quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ áp dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất trên địa bàn tỉnh. Công tác tuyên truyền Nghị quyết được tổ chức tuyên truyền lồng ghép qua lớp tập huấn tại các huyện, thành phố. Từ khi Nghị quyết ban hành đến nay có 59 mô hình⁸ của 06 đề tài, dự án được ứng dụng hỗ trợ, tập trung chủ yếu vào lĩnh vực nông nghiệp. Tổng kinh phí hỗ trợ cho các mô hình là 3.541 triệu đồng từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh. Qua khảo sát tại các mô hình đã ứng dụng nhân rộng kết quả cho thấy:

(1) Dự án: áp dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu “Mô hình trồng thử nghiệm cây Thanh Long ruột đỏ tại huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn”:

Thời gian thực hiện 36 tháng (*Từ tháng 8/2019 đến tháng 8/2022*). Tổng vốn thực hiện: 1.096.700.000 đồng, trong đó vốn ngân sách sự nghiệp khoa học 553.750.000 đồng, đối ứng từ dân : 542.950.000 đồng

⁶ Năm 2020 thanh tra 02 nhiệm vụ: 01 đề tài (đề tài Nghiên cứu biên soạn tài liệu dạy học Ngữ văn địa phương cấp trung học cơ sở tỉnh Lạng Sơn) và 01 dự án áp dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu vào sản xuất (dự án “xây dựng mô hình chăn nuôi gà 6 ngón Mẫu Sơn tại tỉnh Lạng Sơn”); Năm 2021 thanh tra 02 nhiệm vụ: 01 đề tài (đề tài: Ứng dụng công nghệ thông tin quảng bá và tiêu thụ các sản phẩm nông sản của tỉnh Lạng Sơn) và 01 dự án áp dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu (dự án: Mô hình trồng thử nghiệm cây Thanh long ruột đỏ tại huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn); Năm 2022 thanh tra 02 đề tài: Nghiên cứu giải pháp sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã và sắp xếp, sáp nhập các thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh trong phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân ta.

⁷ kiểm tra đối với các chủ sở hữu nhãn hiệu của các sản phẩm gồm: UBND thành phố Lạng Sơn chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận Rau Lạng Sơn; Hội làm vườn huyện Lộc Bình chủ sở hữu nhãn hiệu khoai lang Lộc; Hội làm vườn huyện Văn Quan chủ sở hữu nhãn hiệu Cao khô Chợ Bãi; Hội làm vườn huyện Tràng Định chủ sở hữu nhãn hiệu tập thể Thạch đen Tràng Định; UBND huyện Chi Lăng chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận Na Chi Lăng; UBND huyện Cao Lộc là chủ thể được UBND tỉnh Lạng Sơn ủy quyền quản lý chỉ dẫn là địa lý Hồng không hạt Bảo Lâm Lạng Sơn

⁸ Trong đó có: 02 mô hình trồng cây xoài xanh, 05 mô hình nuôi lợn nái Móng Cái tại các xã: Tô Hiệu, Mông Ân và Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia; 20 mô hình gà 6 ngón tại xã Công Sơn và thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình; 02 mô hình Thanh Long ruột đỏ tại xã Tân Văn, huyện Bình Gia; 20 mô hình Gà ri lai theo hướng an toàn sinh học tại xã Sần Viên huyện Lộc Bình và xã Quyết Thắng, xã Đồng Tiến, huyện Hữu Lũng; 10 mô hình trồng mới cây trám đen ưu tú tại xã Đồng Giáp, huyện Văn Quan và xã Vân Nham, xã Hòa Bình, huyện Hữu Lũng

Cây thanh long ruột đỏ phù hợp với điều kiện tự nhiên đất đai, khí hậu tại địa phương, cây sinh trưởng, phát triển tốt nếu được chăm sóc đúng theo quy trình kỹ thuật. Cây thanh long ruột đỏ có tỷ lệ đậu quả rất cao, số hoa đậu thành quả đạt 95%. Nếu cây thanh long được chăm sóc theo đúng quy trình kỹ thuật, tỷ lệ quả có trọng lượng đạt $\geq 0,5\text{kg/quả}$ trở lên = 50% số quả thu hoạch/cây.

Hiện nay các mô hình trồng thanh long ruột đỏ vẫn đang duy trì và phát triển, đang cho thu hoạch đạt hiệu quả kinh tế là mô hình điểm để các hộ dân vùng lân cận đến thăm quan học hỏi kinh nghiệm. Các hộ dân tham gia thực hiện mô hình được chuyển giao kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản quả thanh long đã khẳng định hiệu quả của việc ứng dụng khoa học công nghệ vào phát triển sản xuất có hiệu quả của kinh tế. Từ hiệu quả của các mô hình dự án, hiện nay diện tích trồng thanh long ruột đỏ tại huyện Bình Giả được mở rộng trên 15ha.

(2) Dự án áp dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu “Tuyển chọn cây Trám đen ưu tú, xây dựng mô hình nhân giống, trồng mới và thâm canh Trám đen tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn”

Thời gian thực hiện: 36 tháng (Từ tháng 8 năm 2021 đến tháng 8 năm 2024), Tổng vốn thực hiện: 1.570.730.000 đồng, trong đó vốn ngân sách sự nghiệp khoa học 644.490.000 đồng, đối ứng từ dân 926.240.000 đồng.

Đề tài đã tuyển chọn được 18 cây Trám đen ưu tú nhằm khai thác nguồn gen trội quý hiếm về năng suất của quần thể Trám đen Hữu Lũng đây là nguồn vật liệu giống tốt để nhân giống phát triển vào sản xuất. Đề tài cũng đã đề xuất được các quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng, chăm sóc và thu hái Trám đen tại Hữu Lũng; xây dựng được mô hình trồng mới trám đen diện tích 05 ha và mô hình thâm canh ứng dụng tổng hợp các biện pháp kỹ thuật trên cây Trám đen diện tích 01 ha tại các xã Quyết Thắng, Đô Lương, Nhật Tiến, huyện Hữu Lũng. Đã triển khai 10 mô hình trồng mới trám đen, cây giống được nhân bằng phương pháp ghép đạt tiêu chuẩn xuất vườn. Diện tích trồng là 7,6 ha, trong đó 5,2 ha tại huyện Hữu Lũng (Các xã: Vân Nham, Hòa Bình) 2,4 ha tại huyện Văn Quan (xã Đồng Giáp). Các mô hình được triển khai từ tháng 10/2021. Hiện nay dự án vẫn đang trong thời gian triển khai, thực hiện, cây Trám sinh trưởng và phát triển tốt. Tỷ lệ sống của mô hình đạt 92,3%. Chiều cao trung bình của cây trám đạt từ 1,2 m – 2 m; đường kính gốc trung bình từ 1,5- 3,8 cm. Một số cây đã ra hoa và cho quả năm 2023.

Kết quả nghiên cứu của đề tài có ý nghĩa lớn trong việc phát triển cây trám đen một cách bền vững trên địa bàn huyện Hữu Lũng, góp phần chuyển dịch cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa tại địa phương. Các biện pháp kỹ thuật sử dụng phù hợp, đảm bảo tính khoa học, đơn giản, dễ áp dụng, có khả năng chuyển giao áp dụng rộng rãi vào vùng trồng trám đen tại huyện Hữu Lũng cũng như các vùng trồng trám có điều kiện tương đồng tại tỉnh Lạng Sơn.

(3) Dự án áp dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu “Xây dựng mô hình chăn nuôi gà 6 ngón Mẫu Sơn tại tỉnh Lạng Sơn”:

Thời gian thực hiện: 7 tháng (*Từ tháng 9 năm 2021 đến tháng 3 năm 2022*), Tổng vốn thực hiện: 485.930.000 đồng, trong đó vốn ngân sách sự nghiệp khoa học 311.390.000 đồng, đối ứng từ dân: 174.540.000 đồng.

Đã triển khai 20 mô hình nuôi gà 6 ngón thương phẩm tại xã Công Sơn, huyện Cao Lộc và thị trấn Lộc Bình, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình. Tổng số gà nuôi tại các mô hình khoảng 3.000 con. Kết quả xây dựng các mô hình: Tỷ lệ nuôi sống trung bình đạt 95%, khối lượng trung bình đạt 2,29kg/con. Hiện nay, một số mô hình chăn nuôi gà 6 ngón Mẫu Sơn tiếp tục được duy trì.

(4) áp dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu “Xây dựng mô hình nuôi gà Ri lai theo hướng an toàn sinh học tại các xã khó khăn và biên giới”

Thời gian thực hiện: 3 tháng (*Từ tháng 9 năm 2021 đến tháng 11 năm 2021*), Tổng vốn thực hiện: 494.390.000 đồng, trong đó vốn ngân sách sự nghiệp khoa học 337.460.000 đồng, đối ứng từ dân : 156.930.000 đồng.

Xây dựng được 20 mô hình nuôi gà ri lai thương phẩm tại xã Sần Viên, xã Lợi Bác huyện Lộc Bình và xã Quyết Thắng và xã Đồng Tiến, huyện Hữu Lũng. Tổng các mô hình 3700 con gà. Kết quả xây dựng các mô hình: Tỷ lệ nuôi sống trung bình đạt 98%, khối lượng trung bình gà 90 ngày tuổi đạt 1,7 kg/con.

Từ hiệu quả các mô hình của 02 dự án chăn nuôi gà trên địa bàn huyện Lộc Bình, hiện nay các mô hình tiếp tục được mở rộng về quy mô và số lượng mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người dân trên địa bàn.

(5) Đối với Dự án áp dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu: “Khảo nghiệm giống xoài ăn xanh VRQ-XX1, GL6, ĐL4 chất lượng cao tại huyện Hữu Lũng và Nam huyện Chi Lăng tỉnh Lạng Sơn”

Thời gian thực hiện: 36 tháng (*Từ tháng 9 năm 2017 đến tháng 9 năm 2020*), Tổng vốn thực hiện: 506.850.000 đồng, trong đó vốn ngân sách sự nghiệp khoa học 263.150.000 đồng, đối ứng từ dân 243.700.000 đồng.

Đã tiến hành xây dựng 02 mô hình tại: xã Hồ Sơn, huyện Hữu Lũng, quy mô: 1,2 ha (0,6 ha/ mô hình), số hộ tham gia: 03 hộ; Kết quả thực hiện các mô hình: Sau 3 năm thực hiện mô hình mở rộng trồng xoài ăn xanh ĐL4 tại địa bàn xã Hồ Sơn, huyện Hữu Lũng cho thấy giống xoài ĐL4 cây sinh trưởng phát triển rất tốt, có bộ tán cân đối phù hợp với điều kiện đất đai, thổ nhưỡng, khí hậu, và khả năng trình độ chăm sóc của người dân.

Tuy nhiên thời gian gần đây, do ảnh hưởng yếu tố thời tiết bất thuận mưa nhiều trong thời gian cây ra hoa thụ phấn, hình thành quả non, phát triển quả làm cho tỷ lệ đậu quả chưa cao, quả bị nứt rụng ảnh hưởng tới năng suất của cây. Lí do một số hộ dân tham gia mô hình chưa thực sự tuân thủ theo đúng quy trình kỹ thuật, chưa thực hiện tốt các nội dung của mô hình đã đề ra. Hiện nay cây xoài đang tiếp tục được chăm sóc và theo dõi.

(6) Dự án áp dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu “Xây dựng mô hình nuôi lợn nái Móng Cái tại huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn”:

Dự án triển khai từ tháng 11/2018 – 4/2019. Kinh phí 1.139.193.000 đồng, trong đó từ ngân sách sự nghiệp khoa học 485.522.000 đồng, Vốn đối ứng của Nhân dân 653.671.000 đồng. Dự án đã được quản lý và phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các hộ nông dân, cán bộ kỹ thuật và các xã triển khai xây dựng mô hình. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai mô hình do tình hình bệnh dịch tả Châu Phi xảy ra đã ảnh hưởng đến chăn nuôi lợn trên địa bàn tỉnh và huyện Bình Gia, ảnh hưởng đến số lượng lợn nuôi của mô hình. Sau khi nghiệm thu, 02 hộ (Nông Chi Hưng và Hoàng Văn Lập) vẫn tiếp tục duy trì nuôi lợn nái Móng Cái. Hiện nay hộ Hoàng Văn Lập đang nuôi 5 nái, đã đẻ được 20 con lợn con; Hộ Nông Chí Hưng nuôi 5 nái, đã đẻ được 35 lợn con. Các hộ tiếp tục đầu tư chăm sóc và phát triển đàn lợn góp phần cung cấp con giống tại chỗ cho nhân dân tại địa phương.

Qua giám sát cho thấy, các đề tài dự án được hỗ trợ nhân rộng từ Nghị quyết đều đã đạt được kết quả nhất định và đang tiếp tục triển khai mở rộng, người dân được tiếp cận kiến thức khoa học, kỹ thuật, góp phần phát triển và mở rộng các giống cây trồng, vật nuôi của địa phương, tạo tiền đề chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn các huyện như: Mô hình Thanh Long ruột đỏ tại xã Tân Văn, huyện Bình Gia, mô hình gà 6 ngón tại xã Công Sơn và thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, mô hình Gà ri lai theo hướng an toàn sinh học tại xã Sần Viên huyện Lộc Bình và xã Quyết Thắng, xã Đồng Tiến, huyện Hữu Lũng, mô hình trồng mới cây trám đen ưu tú tại xã Đồng Giáp, huyện Văn Quan và xã Vân Nham, xã Hòa Bình, huyện Hữu Lũng đem lại hiệu quả kinh tế cao và đang được tiếp tục mở rộng. Đối với mô hình trồng cây xoài xanh và mô hình nuôi lợn nái Móng Cái tại các xã (Tô Hiệu, Mông Ân và Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia) đang được tiếp tục chăm sóc, theo dõi thực hiện.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của khoa học và công nghệ trong sản xuất và đời sống từng bước được nâng lên. Các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền và phục vụ thiết thực cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đảm bảo an ninh – quốc phòng, ổn định chính trị trên địa bàn tỉnh. Nhiều kết quả nghiên cứu sau khi nghiệm thu được ứng dụng, nhân rộng góp phần làm thay đổi nhận thức, tập quán sản xuất lạc hậu của người dân, nhiều tiến bộ mới đã đi vào cuộc sống. Các sản phẩm đặc sản của tỉnh đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và phát huy được danh tiếng, uy tín của sản phẩm, góp phần thúc đẩy sản xuất, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường tạo tiền đề quan trọng và là sức bật thực hiện thành công các Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), Chương trình xây dựng nông thôn mới và các Chương trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Các sản phẩm nông sản của tỉnh sau khi xác lập quyền sở hữu trí tuệ đã góp phần tăng sản lượng tiêu thụ,

tăng giá trị sản phẩm, thúc đẩy ngành nông nghiệp của tỉnh phát triển trong khâu tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, nâng cao thu nhập và đời sống của người dân.

2. Khó khăn, hạn chế

2.1. Công tác tuyên truyền, phối hợp thực hiện nhiệm vụ

- Các hình thức triển khai tuyên truyền trong việc đặt hàng, chuyển giao ứng dụng đề tài/dự án chưa có nhiều hình thức đổi mới (*hiện nay mới chỉ tuyên truyền bằng hình thức văn bản hoặc hội nghị, hội thảo lồng ghép với tổng kết cuối năm của ngành có sự tham gia của các nhà khoa học và một số tổ chức nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ*)

- Công tác phối hợp giữa Sở Khoa học và Công nghệ với UBND các huyện thành phố, các sở ngành liên quan trong việc đặt hàng, chuyển giao ứng dụng đề tài dự án, triển khai mô hình nhân rộng có lúc có nơi chưa được thường xuyên, hiệu quả chưa cao (*Qua khảo sát trực tiếp tại 03 huyện Hữu Lũng, Lộc Bình, Bình Gia sự phối hợp của Sở Khoa học và Công nghệ và phòng chuyên môn của huyện đối với một số nhiệm vụ Khoa học và công nghệ còn hạn chế*)

2.2. Trong công tác nghiên cứu, ứng dụng

- Việc đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ chưa sát với yêu cầu thực tiễn và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (*Giai đoạn 2020-2022 mới có 131 phiếu đề xuất đặt hàng trong đó số nhiệm vụ được UBND tỉnh phê duyệt là 42 nhiệm vụ chỉ chiếm khoảng 32%*).

- Trong giai đoạn 2020-2022 còn có 15 đề tài dự án chậm tiến độ phải kéo dài thời gian thực hiện (*chủ yếu thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, lĩnh vực kỹ thuật công nghệ*); 01 đề tài không hoàn thành, xin dừng thực hiện⁹

- Một số đề tài, dự án nghiên cứu trong lĩnh vực nông nghiệp có khả năng ứng dụng cao trong thực tiễn tuy nhiên điều kiện miền núi, diện tích đất trồng phân tán, khả năng đối ứng kinh phí của hộ dân thấp, các cơ sở chế biến, bảo quản sau thu hoạch chưa nhiều nên nhiều mô hình chưa được áp dụng rộng rãi.

2.3. Về Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 29/7/2016 của HĐND tỉnh

- Số mô hình của các đề tài/ dự án được ứng dụng và thụ hưởng từ chính sách chưa nhiều so với số đề tài dự án được nghiệm thu.

- Các mức quy định hỗ trợ còn tương đối thấp (chi phí mua giống từ khoảng 30% - 100% và không quá 50% kinh phí đầu tư về vật tư, nguyên vật liệu, năng lượng); Quy định về số lượng mô hình còn ít (10-20 mô hình/đề tài, dự án). Quy định về hỗ trợ chi phí mua giống đối với các lĩnh vực còn khác nhau; còn có quy định về quy mô của mô hình chưa thực sự phù hợp với điều kiện thực tế, diện tích đất trồng phân tán, khả năng đối ứng kinh phí của hộ dân thấp, nên khó khăn cho việc lựa chọn điểm thực hiện mô hình; kinh phí quản lý

⁹ Đề tài: Nghiên cứu nuôi thử nghiệm ếch hương sinh sản và ếch hương thương phẩm tại Mẫu Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

và chi khác còn hạn chế (định mức không quá 10 triệu đồng/đề tài, dự án được áp dụng, chuyển giao kết quả); giá trị công chỉ đạo kỹ thuật còn thấp.

- Chưa có nội dung quy định hỗ trợ công chỉ đạo kỹ thuật để theo dõi, giám sát kết quả nghiên cứu sau nghiệm thu, do đặc thù một số đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực nông nghiệp đối với cây lâu năm, cây ăn quả, cây lâm nghiệp đến thời điểm nghiệm thu mới chỉ đánh giá được việc sinh trưởng phát triển của cây trong giai đoạn đầu, nên chưa đủ thời gian đánh giá sự ổn định về sinh trưởng phát triển của cây và hiệu quả lâu dài của sản phẩm.

- Kinh phí để thực hiện chính sách còn hạn chế, chỉ từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh hằng năm.

- Một số đối tượng cây trồng, vật nuôi mới chưa được quy định trong Nghị quyết.

2.4. Kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ

Hiện nay kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ hằng năm được duy trì phân bổ khoảng 18 tỷ đồng/năm, tuy nhiên một số định mức đã thay đổi, lương tối thiểu vùng tăng, công tác tuyên truyền, thông tin khoa học công nghệ, hỗ trợ ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ cần đổi mới nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập.

Kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ được phân bổ hằng năm cấp huyện còn hạn chế (30 triệu đồng/01 huyện, thành phố/01 năm) chỉ để duy trì phục vụ các lớp tập huấn về khoa học công nghệ (trung bình 02 lớp tập huấn/ năm)

2.5. Về biên chế, công chức

Đội ngũ cán bộ quản lý và lực lượng nghiên cứu của tỉnh còn hạn chế, thiếu chuyên gia trong tất cả các lĩnh vực, cán bộ chuyên trách về khoa học và công nghệ ở cấp huyện hầu hết là kiêm nhiệm chưa được đào tạo về quản lý khoa học và công nghệ.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân chủ quan

- Các cơ quan, đơn vị chưa thực sự chủ động trong việc đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Một số đơn vị trong tỉnh chủ trì nhiệm vụ là cơ quan nhà nước với đội ngũ tham gia nghiên cứu là công chức, chưa có nhiều kinh nghiệm trong nghiên cứu khoa học nên trong quá trình thực hiện còn lúng túng dẫn đến một số đề tài còn bị kéo dài thời gian thực hiện.

3.2. Nguyên nhân khách quan

- Công tác tham gia tuyên truyền, vận động của các tổ chức chính trị xã hội đối với nhân dân chưa được thường xuyên, liên tục.

- Một số địa bàn giao thông chưa thuận lợi cho công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, điều kiện kinh tế của người dân còn thấp, chưa mạnh dạn đầu tư cũng như áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất.

- Trên địa bàn tỉnh có rất ít các đơn vị có chức năng nghiên cứu, đội ngũ cán bộ quản lý và lực lượng nghiên cứu của tỉnh còn hạn chế, thiếu chuyên gia, đội ngũ cán bộ chuyên giao ứng dụng tiến bộ kỹ thuật còn mỏng do ngành khoa học và công nghệ không có đội ngũ cán bộ ở cơ sở.

- Vùng sản xuất hàng hóa còn nhỏ lẻ, phân tán; các cơ sở chế biến, bảo quản sau thu hoạch chưa nhiều.

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên một số đề tài bị kéo dài thời gian thực hiện.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với UBND tỉnh:

Chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, đánh giá những vướng mắc trong việc thực hiện Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND, ngày 29/7/2016 của HĐND tỉnh quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ áp dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn để tham mưu sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) đáp ứng nhu cầu đổi mới, phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ vào đời sống sản xuất trên địa bàn tỉnh. **Hoàn thành trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2024.**

2. Sở Khoa học và công nghệ:

(1) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát đánh giá trách nhiệm, quyền hạn của Sở Khoa học, Công nghệ và của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đã được giao tại Quyết định số 47/2018/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 để có giải pháp thực hiện tốt hơn trong quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh. **Hoàn thành trong năm 2024.**

(2) Tổ chức đổi mới hình thức tuyên truyền trong công tác chuyển giao ứng dụng đề tài khoa học công nghệ, kiểm tra định kỳ và đột xuất đối với việc ứng dụng, thực hiện các đề tài, dự án đã được công nhận và các nhiệm vụ khoa học công nghệ hạn chế tối đa việc kéo dài thời gian thực hiện các đề tài, dự án.

(3) Chủ động rà soát, phối hợp với Sở Tài chính tính toán lập dự toán sự nghiệp khoa học và công nghệ sát với yêu cầu thực tiễn, đảm bảo tính khả thi và khả năng cân đối ngân sách của địa phương nhằm đáp ứng nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong tình hình mới.

(4) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, đánh giá những hạn chế, vướng mắc trong việc thực hiện Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND, ngày 29/7/2016 của HĐND tỉnh quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ áp dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn để tham mưu sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) đáp ứng nhu cầu đổi mới, phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ vào đời sống sản xuất trên địa bàn

tính. Hoàn thành **báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2024.**

(5) Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác quản lý, hoạt động nghiên cứu khoa học từ cấp tỉnh đến cơ sở.

3. UBND các huyện, thành phố

(1) Tổ chức quán triệt và triển khai đầy đủ các văn bản về phát triển khoa học và công nghệ đến toàn thể cán bộ, công chức, cán bộ làm công tác khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, cá nhân và các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn để nắm được các chủ trương chung và vận dụng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

(2) Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn chuyên giao đề tài; tuyên truyền vận động người dân mạnh dạn đầu tư cũng như áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất.

(3) Bố trí cán bộ chuyên trách về khoa học và công nghệ được đào tạo về quản lý khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ./.

Trên đây là Báo cáo tình hình, hiệu quả thực hiện các đề tài/dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh được công nhận năm 2020, 2021, 2022; kết quả ứng dụng trong thực tế hiện nay. Đoàn Giám sát trân trọng báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Thành viên Đoàn giám sát;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các phòng CM thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT.

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN**

**PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Đinh Hữu Học**